TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/KDTM-PT
Ngày 31-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật;

Ông Phan Trí Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hoàng Khang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 20/2024/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2024/DSST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2024/QĐXX-PT ngày 25 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 21/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (MB); trụ sở: số A đường L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Lầu E, số E đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T1; cùng địa chỉ: Lầu E, số E đường C, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 152 ngày 19/9/2023), ông T1 vắng mặt, ông T có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần V; địa chỉ: H Quốc lộ A, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Cáp Chiến T2, sinh năm 1973; địa chỉ: số C H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Trình Ngọc Thanh L, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố Đ, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 173 ngày 18/12/2023), ông T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt.

2. Ông Tạ Ngọc B, sinh năm 1982; địa chỉ: số A đường C, khu phố C, phường C, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 98 ngày 01/7/2024), có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần V đã ký kết Hợp đồng tín dụng cùng các khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP Q như sau: Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD ký kết ngày 23/8/2021; Văn bản sửa đổi Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD.PL01 ký kết ngày 30/12/2021; Văn bản sửa đổi Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD.PL02 ký kết ngày 10/02/2022; với tổng số tiền vay 72.568.853.873 đồng. Thực hiện theo Hợp đồng đã ký Ngân hàng Q đã giải ngân cho Công ty V số tiền vay theo các khế ước nhận nợ số LD2203945508; LD2207388003; LD2008168506; LD2205670065; LD2214445090; LD2206875788; LD2206730510; LD2204203518; LD2204165808; LD2202714938; LD2202658972; LD2202555713; LD2208992822; LD2211940176; LD2211953328; LD2211997077; LD2213270177; LD2213698040; LD2213802015; LD2214303848; LD2206875788.

Thời hạn cho vay và lãi suất quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên của Công ty Cổ phần V, khách hàng đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ T01035/CN-2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 06/7/2009 cho Công ty CP C (Nay là Công ty Cổ phần V) quy định tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10424.19.101.301602.BĐ, công chứng số 1108 ngày 12/4/2019. Hợp đồng sửa đổi hợp đồng số 10424.19.101.301602.BĐ.PL01 ngày 31/3/2020, Hợp đồng sửa đổi hợp đồng số 10424.19.101.301602. BĐ.PL02 ngày 30/3/2021. Hợp đồng cho vay số 6667.22.101.301602.TD ký kết ngày 23/2/2022. Hợp đồng sửa đổi hợp đồng số 10424.19.101.301602.BD. PL03 ngày 27/4/2022 Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Công ty Cổ phần V đã bàn giao tài sản trên cho phía ngân hàng để xử lý thu hồi khoản nợ vay. Do đó, Ngân hàng không yêu cầu tòa án tuyên phát mãi tài sản bảo đảm này.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần V đã không thực hiện

trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Ngân hàng Q đã gửi nhiều thông báo, công văn yêu cầu khách hàng trả nợ. Khách hàng đã bàn giao tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 51K-036.18 cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ với số tiền thu được là 1.150.000.000 đồng. Số tiền này được thu nợ gốc của khoản vay. Tổng số tiền nợ gốc khách hàng đã thanh toán là 2.502.930.310 đồng.

Nay ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc Công ty Cổ phần V thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q các khoản nợ phát sinh từ các Hợp đồng cấp tín dụng tính đến ngày 25/3/2024 là 86.543.324.167 đồng trong đó: Nợ gốc: 70.065.923.563 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.037.420 đồng; nợ lãi quá hạn: 16.473.363.184 đồng.

- Công ty Cổ phần V còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ, kể từ ngày 25/3/2024 đến khi thanh toán hết nợ.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Thống nhất phần trình bày của Ngân hàng về việc hai bên ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp bất động sản. Tuy nhiên phía bị đơn đã bàn giao toàn bộ tài sản đảm bảo cho các khoản vay là ô tô, quyền sử dụng đất tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ T01035/CN-2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 06/7/2009 cho Công ty CP C (Nay là Công ty Cổ phần V) cho nguyên đơn theo Biên bản làm việc ngày 02/8/2022, Biên bản bàn giao tài sản bảo đảm ngày 03/8/2022 và Biên bản thoả thuận ngày 16/9/2022, theo đó bị đơn đồng ý cho nguyên đơn toàn quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ cho nguyên đơn. Quá trình làm việc bị đơn luôn hợp tác vì vậy bị đơn không còn nghĩa vụ phải thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2024/DSST ngày 25/3/2024 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 08/2024/QĐSCBS ngày 25/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty Cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty Cổ phần V có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ tính đến ngày 25/3/2023 là *86.543.324.167 đồng (Bằng chữ: Tám mươi sáu tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).* Trong đó:

- Nợ gốc: 70.065.923.563 (bảy mươi tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng);

- Lãi trong hạn: 4.037.420 đồng (bốn triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi đồng)

- Lãi quá hạn: 16.473.363.184 đồng (mười sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm tám mươi tư đồng)

Kể từ ngày 26/3/2023, Công ty Cổ phần V còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD ký kết ngày 23/8/2021, Văn bản sửa đổi Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD.PL01 ký kết ngày 30/12/2021, Văn bản sửa đổi Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD.PL02 ký kết ngày 10/02/2022 và các khế ước nhận nợ kèm theo kể từ ngày 25/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 09/4/2024, bị đơn Công ty Cổ phần V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn Công ty Cổ phần V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm số 10/2023/KDTM-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D giải quyết buộc bị đơn Công ty Cổ phần V trả khoản nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không hướng dẫn các đương sự giải quyết phần tài sản đã thế chấp là không đúng, gây ảnh hưởng cho quá trình thi hành án và ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Xét, cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định. Về kiến nghị, khắc phục thiếu sót: Không.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 25/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố D xử sơ thẩm vụ án. Ngày 09/4/2024, bị đơn Công ty Cổ phần V nộp đơn kháng cáo là trong hạn luật định; đơn kháng cáo có nội dung hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Ngân hàng TMCP Q khởi kiện Công ty Cổ phần V yêu cầu thanh toán khoản nợ tính đến ngày 25/3/2023 là 86.543.324.167 đồng, trong đó: Nợ gốc: 70.065.923.563 đồng; lãi trong hạn: 4.037.420 đồng; lãi quá hạn: 16.473.363.184 đồng.

Bị đơn Công ty Cổ phần V không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì Công ty đã bàn giao tài sản bảo đảm Ngân hàng T3 chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nên Công ty không còn nghĩa vụ gì.

[2.2] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần V nhận thấy:

Ngân hàng TMCP Q và Công ty Cổ phần V có ký kết Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD ngày 23/8/2021 và Văn bản sửa đổi Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD.PL01 ký kết ngày 30/12/2021; Văn bản sửa đổi Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD.PL02 ký kết ngày 10/02/2022, theo đó Ngân hàng TMCP Q cho Công ty Cổ phần V vay số tiền 72.568.853.873 đồng. Thời hạn cho vay và lãi suất quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ.

Ngân hàng đã thực hiện giải ngân đầy đủ số tiền vay cho Công ty Cổ phần V. Để đảm bảo cho khoản vay trên, Công ty đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ T01035/CN-2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 06/7/2009 cho Công ty CP C (Nay là Công ty Cổ phần V) và xe ô tô hiệu Ford Ranger Raptor 4x4AT-2.0L, biển số 61K-036.18.

Ngày 14/7/2022, hai bên cùng lập biên bản làm việc xác nhận số nợ tính đến ngày 13/7/2022 của Công ty Cổ phần V là 72.102.995.011 đồng, trong đó: nợ gốc 71.340.156.475, lãi trong hạn, quá hạn 360.084.508 đồng, lãi phạt, phí phạt 402.754.028 đồng. Công ty Cổ phần V đồng ý bàn giao tài sản bảo đảm theo quy định cho Ngân hàng TMCP Q xử lý bán/chuyển nhượng để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/8/2022, Công ty Cổ phần V đã lập biên bản về việc bàn giao tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất tại phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho Ngân hàng để xử lý nợ, thu hồi khoản nợ của Công ty. Ngày 17/8/2022, Ngân hàng đưa tài sản trên cho Công ty Đ để tiến hành tổ chức đấu giá theo quy định.

Ngày 22/8/2022, Công ty xin giải chấp đối với xe ô tô hiệu Ford Ranger Raptor 4x4AT-2.0L, biển số 61K-036.18. Ngày 16/9/2022, Công ty và Ngân hàng cùng lập biên bản thoả thuận về việc để Ngân hàng trực tiếp ký Hợp đồng mua, bán/chuyển nhượng tài sản cho người mua hoặc tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật. Trường hợp Ngân hàng L1 ký Hợp đồng mua, bán/chuyển nhượng tài sản trực tiếp cho người mua thì các bên thống nhất giá tối thiểu là 70.000.000.000 đồng. Trường hợp không có khách đăng ký mua thì Ngân hàng được quyền quyết định giảm giá bán theo quy định của pháp luật, mức giảm không quá 10%/lần so với giá khởi điểm. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản sẽ dùng để thanh toán cho khoản nợ của Công ty. Cùng ngày, Ngân hàng đã gửi thông

báo việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thông qua bán đấu giá cho Công ty biết và xác định dư nợ của Công ty tính đến ngày 16/9/2022 là 72.304.959.755 đồng, trong đó: nợ gốc 70.075.523.933 đồng, nợ lãi 2.194.601.682 đồng. Ngày 17/9/2022, Ngân hàng đã bàn giao hồ sơ xử lý nợ cho Công ty. Do tài sản đấu giá không thành nên ngày 17/8/2023, Ngân hàng tiếp tục gửi thông báo việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và cũng xác định dư nợ của Công ty tính đến ngày 16/8/2023 là 81.027.187.876 đồng, trong đó: nợ gốc 70.075.446.989 đồng, nợ lãi 10.916.906.747đồng. Ngày 22/9/2022, Ngân hàng khởi kiện Công ty Cổ phần V tại Toà án.

Xét nội dung biên bản làm việc ngày 14/7/2022 và ngày 02/8/2022 được ký kết giữa Công ty Cổ phần V và Ngân hàng TMCP Q chỉ thể hiện nội dung Công ty đồng ý bàn giao tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật cho Ngân hàng xử lý bán/chuyển nhượng để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định, không thể hiện nội dung việc bàn giao tài sản này nhằm chấm dứt nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng. Bên cạnh đó, tại mục 9.1 Điều 9 của Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.101.301602.TD ký ngày 23/8/2021 giữa Công ty Cổ phần V và Ngân hàng TMCP Q thể hiện khách hàng có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ dư nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng; thực hiện đúng, đầy đủ các thoả thuận khác tại Hợp đồng cấp tín dụng này và Thoả thuận.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định việc bị đơn bàn giao tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho nguyên đơn xử lý để thanh toán nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký. Tại các biên bản bàn giao thì các bên cũng thoả thuận trong quá trình xử lý tài sản hai bên được quyền tìm người mua và giá bên nào cao hơn sẽ ưu tiên và hiện bị đơn vẫn đang tích cực tìm người mua để lấy tiền trả nợ. Ngoài ra, quá trình tố tụng nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản thế chấp, bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố về giải quyết đối với tài sản đã thế chấp, do đó cấp sơ thẩm không giải quyết về tài sản thế chấp là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Luật Tố tụng dân sự 2015.

Cấp sơ thẩm xác định bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã giao kết, khoản vay của bị đơn đã chuyển thành khoản nợ quá hạn nên Ngân hàng Q yêu cầu bị đơn phải chịu nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn bên cạnh khoản nợ gốc là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD ký kết ngày 23/8/2021 và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm từ đó chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần V; quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc huỷ toàn bộ bản án là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ BTVQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần V về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

2. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 10/2024/KDTM-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với Công ty Cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc Công ty Cổ phần V có trách nhiệm thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ tính đến ngày 25/3/2023 là *86.543.324.167 đồng (Bằng chữ: Tám mươi sáu tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).* Trong đó:

- Nợ gốc: 70.065.923.563 (bảy mươi tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng);

- Lãi trong hạn: 4.037.420 đồng (bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn, bốn trăm hai mươi đồng);

- Lãi quá hạn: 16.473.363.184 đồng (mười sáu tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn, một trăm tám mươi tư đồng).

Kể từ ngày 26/3/2023, Công ty Cổ phần V còn phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD ký kết ngày 23/8/2021, Văn bản sửa đổi Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD.PL01 ký kết ngày 30/12/2021, Văn bản sửa đổi Hợp đồng cấp tín dụng số 41787.21.01.301602.TD.PL02 ký kết ngày 10/02/2022

và các khế ước nhận nợ kèm theo kể từ ngày 25/9/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần V phải chịu 194.543.324 đồng (một trăm chín mươi bốn triệu, năm trăm bốn ba nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng). Chi cục thi hành án Dân sự thành phố D hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q 94.865.880 đồng (chín mươi bốn triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, tám trăm tám mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006840 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần V phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002853 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thắm